**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN VĨNH CỬU**
**TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22/5/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Đại.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Bình.
2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thùy D, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số nhà H, tổ G, khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh H, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tổ G, khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy D trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày

18/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tới năm 2022 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách ngày càng khác biệt nên không còn quan tâm lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả lẫn nhau, gây gỗ, xúc phạm lẫn nhau, nhưng vì con nên bà cố gắng chịu đựng và hòa giải nhiều lần để vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng không được. Hai bên gia đình bà hòa giải cho vợ chồng bà nhưng không được. Bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Lê Bùi Anh T, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Bùi Ánh T1, sinh ngày 11/9/2020. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi con chung 2.000.000đ/tháng, tổng cộng hai con là 4.000.000đ/tháng. Ngày 07/3/2024 bà thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Lê Minh H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẩn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

Về con chung: Bà D và ông H có 02 con chung là Lê Bùi Anh T, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Bùi Ánh T1, sinh ngày 11/9/2020. Ly hôn, đề nghị giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng: bà D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông H cư trú tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2017. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà D khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H xảy ra từ năm 2022 đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông H vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông H không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà D và ông H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà D đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H là có thật, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà D, bà D được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà D và ông H có 02 con chung là Lê Bùi Anh T, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Bùi Ánh T1, sinh ngày 11/9/2020. Hiện nay hai con chung đang sống chung với bà D, bà D xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H không cung cấp ý kiến về phần này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà D khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy D khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Thùy D được ly hôn đối với ông Lê Minh H.

- Về con chung: Giao con chung Lê Bùi Anh T, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Bùi Ánh T1, sinh ngày 11/9/2020 cho bà Bùi Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005529 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND thị trấn V;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Đại**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**HỘI THẨM NHÂN DÂNTHẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Sở, huyện Hoài Đức;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Đại**